TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯM'GAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **18**/2023/DS-ST
Ngày: 17/4/2023
"*V/v: Tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Huyền Diệu

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mạnh

2. Bà Bùi Thị Hà

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'Gar

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Thủy – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 4 năm 2023 tại Toà án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ L số 48/2022/TLST – DS ngày 10 tháng 02 năm 2022 về "*Tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST- DS, ngày 28 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/QĐST-DS ngày 29/3/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều D, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn S, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: 100 Quốc Lộ A, Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

(Văn bản ủy quyền ngày 11/3/2023)

2. Bị đơn: Ông Lê Tuấn A, sinh năm 1992 (có đơn xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn S, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thanh V và bà Nguyễn Thị Thu H

Địa chỉ: 24 B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Ngọc C (có đơn xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 45 L, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

(Văn bản ủy quyền ngày 17/02/2022)

+ Văn phòng công chứng T (vắng mặt)

Địa chỉ: 49 L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

+ Ngân hàng S

Địa chỉ: 35 N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Đăng P (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Y, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

(Văn bản ủy quyền số 1088/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 20/9/2021)

+ Bà Nguyễn Hồ Thị T và ông Lê D1 (có đơn xét xử vắng mặt), ông Lê Minh T1 (vắng mặt).

Địa chỉ: Buôn SútMgrư, xã CưSuê, huyện CưMgar, tỉnh Đắk Lắk

Người làm chứng: Ông Hoàng Quốc T2, sinh năm 1969 và bà Lê Thị L, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn S, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

NỘI D1 VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều D trình bày:

Bà và ông Lê Tuấn A có mối quan hệ là vợ chồng, kết hôn năm 2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Buôn Sút Mgrư, xã CưSuê, huyện CưMgar, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 21/8/2019 em chồng là ông Lê Minh T1 có tặng cho chồng bà D là ông Lê Tuấn A thửa đất số 1103, tờ bản đồ số 27, diện tích 250m2 với giá 30.000.000 đồng, đến ngày 28/10/2021 ông T1 tự ý chuyển nhượng thửa đất trên cho vợ chồng ông bà V H có công chứng trên văn phòng công chứng T nhưng bà D không biết, sau đó ông V và bà H thế chấp thửa đất trên vay ngân hàng S. Bản chất của việc chuyển nhượng này là do chồng bà D lái xe cho ông V bà H gây tai nạn nên ông V bà H nhận chuyển nhượng đất để trừ nợ. Tại thời điểm chuyển nhượng, trên đất chỉ có cây cà phê, tiêu. Do đây là tài sản chung của vợ chồng nên bà D khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Tuấn A chuyển nhượng cho ông Nguyễn Thanh V và bà Nguyễn Thị Thu H ngày 28/10/2020 tại Văn phòng công chứng T số 00011247 quyển số 05/2020/TP-SCC/HĐGD là vô hiệu theo quy định Bộ luật dân sự 2015; Hủy một phần hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 20.37.0166-1/2020/HĐBĐ/NHCT502 ngày 04/12/2020 của Ngân hàng S vì trái quy định của pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T tại phiên tòa trình bày: Ngày 28/10/2021 ông Lê Tuấn A là chồng của bà Nguyễn Thị Kiều D đã tự ý chuyển nhượng thửa đất số 1103, tờ bản đồ số 27, diện tích 250m2 với giá 30.000.000 đồng cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh V và bà Nguyễn Thị Thu H. Việc ông A tự ý chuyển nhượng thửa đất là tài sản chung của vợ chồng đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà D. Vì vậy, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật như yêu cầu khởi kiện của bà D.

Bị đơn ông Lê Tuấn A trong quá trình tố tụng trình bày: Ông là chồng của bà Nguyễn Thị Kiều D. Ông A và bà D được bố mẹ ruột là ông Lê D1 và và Nguyễn Hồ Thị T cho một thửa đất ngang 10m dài 25m, sau đó cho ông D1 và bà T mượn và có nhờ ông Nguyễn Thanh V và bà Nguyễn Thị H vay vốn giúp và có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Nay bà D khởi kiện ông A đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà D, hủy hợp đồng chuyển nhượng giữa ông anh và ông V bà H và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa ông V, bà H và ngân hàng S.

Đại diện theo ủy quyền cho ngân hàng S (gọi tắt là ngân hàng) ông Hồ Đăng P trình bày: Ngày 18/11/2020 ông Nguyễn Thanh V và bà Nguyễn Thị Thu H có vay vốn tại

ngân hàng và có thế chấp 02 thửa đất tại xã CưSuê, huyện CưMgar, tỉnh Đắk Lắk trong đó có thửa đất số 1103, tờ bản đồ số 27, diện tích 250m2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 010651 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 11/9/2019, cập nhật thay đổi chủ sử dụng ngày 18/11/2020. Ngày 19/11/2020 ngân hàng đã đến thẩm định trực tiếp tài sản thế chấp (không có nhà trên đất). Ngày 04/12/2022 ông V đã hoàn tất công chứng hợp đồng thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 20.37.0166-1/2020/HĐBĐ/NHCT502, số công chứng 0245, quyển số 12TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Đắk lắk và hoàn tất đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện CưMgar theo đúng quy định của pháp luật. Ngân hàng đã tiếp nhận đề nghị vay vốn của khách hàng, tiến hành thẩm định trực tiếp tài sản theo đúng quy định của nhà nước, công chứng hợp đồng thế chấp và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện CưMgar theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, ngân hàng không đồng ý việc tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu đối với việc sang nhượng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên và không đồng ý tuyên bố vô hiệu một phần hợp đồng thế chấp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hồ Thị T, ông Lê D1 trong quá trình tố tụng trình bày: Bà T, ông D1 là cha mẹ ruột ông Lê Tuấn A, bà D là con dâu. Năm 1995 vợ chồng ông T1 bà L có tặng cho vợ chồng bà T và ông Lê D1 thửa đất, theo giấy tờ chỉ ghi theo tờ bản đồ số 27, không ghi rõ diện tích. Thực tế là hơn ba sào, lúc ông T1 và bà L làm thủ tục tách thửa thì tách thẳng sang tên con trai bà T, ông D1 là Lê Minh T1, vợ chồng bà T có cho con trai là Lê Tuấn A 10m, còn diện tích cụ thể như thế nào thì không nhớ. Trước đây vợ chồng bà T có chuyển nhượng cho nhà ông H một thửa đất diện tích 3.7m ngang nhưng không tách thửa được, sau đó vợ chồng bà T có đổi đất cho nhà ông H sang thửa đất của ông Tuấn A được tặng cho từ ông Lê Minh T1. Bà D và ông Tuấn A không có ý kiến gì. Bà T đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà D.

Đại diện theo ủy quyền cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh V và bà Nguyễn Thị Thu H ông Võ Ngọc C trong quá trình tố tụng trình bày: Vào cuối năm 2020 ông V và bà H có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Lê Tuấn A thửa đất số 1103, tờ bản đồ số 27, diện tích 250m2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 010651 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 11/9/2019, đăng ký biến động sang tên ngày 18/11/2020. Việc vợ chồng ông V, bà H nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Lê Tuấn A là ngay tình và đã hoàn tất các thủ tục, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính của bên nhận chuyển nhượng, nghĩa vụ tài chính cho nhà nước, đã giao nhận đất. Tài sản trên là của ông Lê Tuấn A được tặng cho riêng theo quy định của Bộ luật Dân sự, Luật hôn nhân và gia đình và các quy định pháp luật khác vì vậy ông Lê Tuấn A có quyền định đoạt tài sản này mà không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Kiều D. Khi chuyển nhượng cho vợ chồng ông Việt và bà D hoàn toàn biết việc này và không có ý kiến gì. Việc ông V và bà H thế chấp tài sản trên cho Ngân hàng là hoàn toàn hợp pháp, khi ngân hàng tiến hành thẩm định tài sản ông A và bà D đều biết việc này và không có ý kiến gì. Việc bà D khởi kiện là không có căn cứ, đề nghị Tòa án giải quyết không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà D

Người làm chứng ông Hoàng Quốc T2 và bà Lê Thị L trong quá trình tố tụng trình bày: Ông Lê Minh T1, Lê Tuấn A, Nguyễn Thị Kiều D là con cháu trong gia đình. Nguồn gốc thửa đất tranh chấp là của vợ chồng ông T2 và bà L nhận khoán của nông trường 11/3, đến năm 1994 thì ông bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khoảng hơn 5.000m2. Do có mối quan hệ anh em, ông Lê D1 không có chỗ ở nên có cho ở nhờ. Đến năm 2014-2015 thì ông T2 và bà L có chuyển nhượng cho cháu Lê Minh T1 khoảng 2.000m2 nên ông T1 sử dụng như thế nào là quyền của ông T1, không tặng cho đất ông Lê D1 và bà Nguyễn Hồ Thị T. Vì vậy, vợ chồng ông T2 và bà L không liên quan gì đến thửa đất trên, từ chối tham gia tố tụng trong vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Tòa án còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 116, 117, 501, 502, 503 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 43 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kiều D.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kiều D yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Tuấn A chuyển nhượng cho ông Nguyễn Thanh V và bà Nguyễn Thị Thu H ngày 28/10/2020 tại Văn phòng công chứng T số 00011247 quyển số 05/2020/TP-SCC/HĐGD là vô hiệu theo quy định Bộ luật dân sự 2015; Hủy một phần hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 20.37.0166-1/2020/HĐBĐ/NHCT502 ngày 04/12/2020 của Ngân hàng S vì trái quy định của pháp luật vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CưMgar, tỉnh Đăklăk theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thủ tục tố tụng và luật áp dụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng T, ngân hàng, ông Lê Minh T1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, bị đơn ông Lê Tuấn A, đại diện theo ủy quyền ông Võ Ngọc C, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê D1, bà Nguyễn Hồ Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được xác lập ngày 28/10/2020, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất xác lập ngày 04/12/2020. Hội đồng xét xử áp dụng các quy định và điều luật của Bộ luật dân sự 2015, Luật đất đai năm 2013 để giải quyết vụ án.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Xét yêu cầu tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và một phần hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất là vô hiệu của nguyên đơn thấy rằng:

Theo trình bày của ông T2 và bà L nguồn gốc thửa đất của của ông bà chuyển nhượng cho cháu là ông Lê Minh T1, sau đó ông T1 làm thủ tục tặng cho riêng anh trai là ông Lê Tuấn A, chồng của bà Nguyễn Thị Kiều D theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất ngày 21/8/2019 chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã CưSuê, huyện CưMgar, tỉnh Đắk Lắk thửa đất số 1103, tờ bản đồ số 27 diện tích 250m2, mục đích sử dụng đất ở 60m2, đất trồng cây lâu năm 190m2 và ông T1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 010654 do sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 11/9/2019 phù hợp khoản 3 Điều 188 Luật đất đai 2013. Xét thấy việc ông T1 tặng cho đất ông A là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông T1 cho ông Tuấn A là hợp pháp, bà D cho rằng thửa đất 1103 là tài sản chung của vợ chồng là không có căn cứ theo quy định tại Điều 43 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Tuấn A với ông Nguyễn Thanh V và bà Nguyễn Thị Thu H công chứng ngày 28/10/2020 tại Văn phòng công chứng T số 00011247 quyển số 05/2020/TP-SCC/HĐGD, đã được chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện CưMgar đăng ký biến động ngày 05/11/2020 nên hình thức và nội dung của hợp đồng đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ ông Lê Tuấn A, ông Nguyễn Thanh V và bà Nguyễn Thị Thu H đã thế chấp cho ngân hàng để vay vốn theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 20.37.0166-1/2020/HĐBĐ/NHCT502 ngày 04/12/2020 được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện CưMgar chứng nhận việc thế chấp ngày 07/12/2020 để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 20.37.0166/2020-HĐCV/NHCT02 ngày 17/12/2020. Xét thấy quá trình thẩm định tài sản, trình tự thủ tục nhận thế chấp của ngân hàng đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, ngân hàng là bên thứ 3 ngay tình. Việc bị đơn ông Lê Tuấn A đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên và một phần hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất sẽ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ngân hàng và của ông V, bà H.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy, không có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kiều D yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Tuấn A chuyển nhượng cho ông Nguyễn Thanh V và bà Nguyễn Thị Thu H ngày 28/10/2020 tại Văn phòng công chứng T số 00011247 quyển số 05/2020/TP-SCC/HĐGD là vô hiệu theo quy định Bộ luật dân sự 2015; Hủy một phần hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 20.37.0166-1/2020/HĐBĐ/NHCT502 ngày 04/12/2020 của Ngân hàng S vì trái quy định của pháp luật.

[3]. Về chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản: Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kiều D không được chấp nhận nên bà D phải chịu toàn bộ chi phí xem

xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo quy định pháp luật. Bị đơn không phải chịu các chi phí trên.

[4]. Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Kiều D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch 02 yêu cầu khởi kiện là 600.000 đồng. Bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 116, 117, 501, 502, 503 của Bộ luật dân sự 2015;
- Áp dụng Điều 43 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013
- Áp dụng khoản 4 Điều 26, Khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kiều D về yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 1103, tờ bản đồ số 27, diện tích 250m2, địa chỉ tại xã CưSuê, huyện CưMgar, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 010651 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 11/9/2019, đăng ký biến động ngày 18/11/2020 giữa ông Lê Tuấn A và ông Nguyễn Thanh V, bà Nguyễn Thị Thu H ngày 28/10/2020 tại Văn phòng công chứng T số 00011247 quyển số 05/2020/TP-SCC/HĐGD là vô hiệu; Về yêu cầu Hủy một phần hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 20.37.0166-1/2020/HĐBĐ/NHCT502 ngày 04/12/2020 của Ngân hàng S vì trái quy định của pháp luật.

Về án phí và chi phí tố tụng khác:

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kiều D phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0007967 ngày 09/2/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk. Ông Lê Tuấn A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản: bà Nguyễn Thị Kiều D phải chịu 4.000.000 chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản (bà D đã nộp đủ).

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐắkLắk ;
- VKS huyện CưM'gar;
- T.H.A dân sự huyện CưM'gar ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Huyền Diệu